

Trà Cú, ngày 12 tháng 7 năm 2017

Số: 169/2017/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 180/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 giữa nguyên đơn ông Huỳnh Minh N, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp O, xã Phước H, huyện T, tỉnh Trà Vinh và bị đơn bà Diệp Thị Ngọc T sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp V, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2017;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Huỳnh Minh N và bà Diệp Thị Ngọc T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Ông Huỳnh Minh N và bà Diệp Thị Ngọc T tự nguyện thuận tình ly hôn;

Về con chung: Ông N và bà T thỏa thuận thống nhất là bà T đồng ý giao hai người con chung tên Huỳnh Minh K, sinh ngày 14/02/2009 và Huỳnh Minh K, sinh ngày 15/11/2013 cho ông N được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi cũng là phù hợp theo nguyện vọng của cháu K được sống với ông N và bà T không phải cấp dưỡng nuôi con do ông N tự nguyện không yêu cầu.

Quyền thăm nom con chung: *Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà T khai không có nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng, ông N và bà T mỗi người phải chịu 75.000 đồng, nhưng ông N tự nguyện nộp thay án phí hôn nhân sơ thẩm cho bà T, vậy ông N phải chịu toàn bộ án phí là 150.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0011109, ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh. Ông N được nhận lại số tiền chênh lệch 150.000 tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THA dân sự huyện Trà Cú;
- UBND xã Phước Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.;

Thẩm phán

Nguyễn Ngọc Ngoan